

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THANH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THANH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH LONG SERVICE TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH LONG TSA., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107835435

**3. Ngày thành lập:** 09/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986785994

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                   | 4220     |
| 2.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp                                                                                                              | 7020     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                          | 4321     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn sơn và véc ni, sơn gỗ, sơn sắt thép;<br>Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm. | 4663     |
| 5.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                              | 3600     |
| 6.  | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                               | 3830     |
| 7.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                          | 8130     |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                 | 4933     |
| 9.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                    | 5210     |
| 10. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                               | 5224     |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                         | 7710     |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                         | 4311     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                 | 4330     |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                 | 6619     |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                      | 8230     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                           | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                        | 2022 |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;<br>- Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm,                                                                                 | 4752 |
| 19. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1623 |
| 20. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1622 |
| 21. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8121 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                   | 4931 |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4290 |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4210 |
| 25. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3100 |
| 26. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1610 |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết: - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ,<br>- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh,<br>- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự,<br>- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng. | 1621 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 28. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình</p> <p>Thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp</p> <p>Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước công trình xây dựng</p> <p>Thiết kế công trình thủy lợi</p> <p>Thiết kế công trình cầu đường bộ</p> <p>Thiết kế hệ thống công trình dân dụng, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35Kv</p> <p>Thiết kế lắp đặt thiết bị công nghệ, cơ khí công trình hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</p> <p>Khảo sát địa chất công trình</p> <p>Khảo sát trắc địa công trình</p> <p>Giám sát công tác khảo sát địa hình công trình xây dựng</p> <p>Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình (xử lý nền móng)</p> <p>Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp</p> <p>Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ</p> <p>Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước</p> | 7110(Chính) |
| 29. | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các công trình xây dựng;</p> <p>Đánh giá tác động môi trường, điều tra xã hội và đô thị về các công trình xây dựng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7120        |
| 30. | <p>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tổ chức nghiên cứu khoa học, dịch vụ chuyển giao công nghệ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7210        |
| 31. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100        |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 34. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục hải quan</p> <p>Vận chuyển hàng hóa nội địa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;<br>- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;<br>- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;<br>- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển;<br>- Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;<br>- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác. | 3900 |
| 36. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | Thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 4.500.000  | 4.500.000.000         | 45,450    | 012080796                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 4.500.000  | 4.500.000.000         | 45,450    |                                                                                             |         |
| 2   | CHU QUỐC LONG        | thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,500    | 012170413                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,500    |                                                                                             |         |
| 3   | VÕ HOÀI NAM          | cụm 10, Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 4,050     | 111553172                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 4,050     |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: CHU QUỐC LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/10/1976

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012170413

Ngày cấp: 03/07/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội